

Bản án số: 236/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 8 – 2023
V/v trA chấp ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Nguyễn Văn Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “trA chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Ngọc A; Sinh năm 1998; Địa chỉ cư trú: Ấp Đ Gi, xã T Th, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- **Bị đơn:** A Lương Văn Mau; Sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp Lưu Hoa ThA, xã T Th, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và A Mau kết hôn vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện Đ D ngày 16/4/2018. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thay đổi được, chị và A Mau đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Chị A xác định không thể tiếp tục chung sống nên nên yêu cầu được ly hôn A Mau.

- Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đối với A Lương Văn Mau: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho A Mau biết về yêu cầu khởi kiện của chị A nhưng A Mau không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử

tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt; A Lương Văn Mau đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị A và A Mau kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của A, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị A xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mỗi người có cuộc sống riêng không còn ai quan tâm ai, A chị đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Đối chiếu các quy định pháp luật về việc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và việc A Mau không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa A, chị đã có xảy ra và không ai mong muốn cũng như có động thái hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị A được ly hôn với A Mau là phù hợp.

[3] Về con chung, về tài sản chung, các vấn đề khác: Chị A xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc A. Cho chị Nguyễn Ngọc A được ly hôn A Lương Văn Mau.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014495 ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc